

Khu Đề xuất BTTN Pù Hoạt

Tên khác:

Không có

Tỉnh:

Nghệ An

Diện tích:

67.934 ha

Toạ độ:

19°38' - 20°0' N, 104°40' - 105°09' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Bắc Trung bộ

Có quyết định của Chính phủ:

Không

Đã thành lập Ban Quản lý:

Không

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

A, B

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Pù Hoạt chưa từng được liệt kê trong các quyết định của Chính phủ liên quan đến hệ thống các khu rừng đặc dụng của Việt Nam (Bộ NN&PTNT 1997). Việc thành lập khu bảo tồn thiên nhiên ở đây đã được Ủy ban Nhân dân huyện Quế Phong đề xuất theo Công văn số 310/CV-UB gửi Chi cục Kiểm lâm Nghệ An. Tiếp theo công văn trên, một dự án đầu tư thành lập khu bảo tồn đã được Viện Điều tra Quy hoạch Rừng xây dựng, diện tích đề xuất cho khu bảo tồn là 67.934 ha, bao gồm một phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 56.837 ha và một phân khu phục hồi sinh thái 11.097 ha (Anon. 1997). Theo đó dự án đầu tư trên đã được Bộ NN&PTNT phê chuẩn, Rừng của khu bảo tồn đề xuất hiện do Hạt Kiểm lâm huyện Quế Phong quản lý.

Pù Hoạt có trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm lâm - Bộ NN&PTNT với diện tích 67.934 ha (Cục Kiểm lâm, 2003), danh lục này hiện vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt.

Địa hình và thủy văn

Khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt nằm trên địa phận của 6 xã Thông Thụ, Đồng Văn, Tiền Phong, Hạnh Dịch, Nậm Giải và Trí Lễ, huyện Quế Phong. Phía bắc khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên tiếp giáp với tỉnh Thanh Hoá, và phía nam giáp với Lào. Khu đề

xuất nằm dọc theo dãy núi hình thành nên biên giới Việt - Lào ở phía bắc tỉnh Nghệ An. Điểm cao nhất trong khu bảo tồn là đỉnh núi Pù Hoạt 2.452 m còn phần lớn diện tích của vùng có độ cao dao động trong khoảng 800 và 1.400 m, ở vùng thung lũng phía đông nam dọc theo con sông bên ngoài khu bảo tồn có độ cao thấp nhất vào khoảng 100 m. Địa hình của vùng đề xuất đặc trưng với các dãy núi cao gồ ghề, xen kẽ có các thung lũng có sườn dốc đứng.

Cực nam của khu đề xuất nằm trên vùng lưu vực sông Cả, là sông lớn nhất của tỉnh Nghệ. Phần lớn diện tích còn lại của khu đề xuất nằm trong lưu vực của sông Chu. Sông Chu chảy theo hướng bắc qua khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, tỉnh Thanh Hoá sau đó đổ ra biển gần Thành phố Thanh Hoá. Hầu hết hệ thống sông suối trong khu bảo tồn đều có nước thường xuyên mặc dầu vẫn có sự biến động lớn về dòng chảy theo mùa. Sự biến động này cùng với kiểu địa hình dốc gồ ghề phức tạp là những hạn chế đối với canh tác lúa nước của đồng bào địa phương.

Đa dạng sinh học

Theo dự án đầu tư, khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt có 56.232 ha rừng tự nhiên, tương đương với 83% tổng diện tích. Tuy nhiên trong đó chỉ có 33.555 ha rừng ít bị tác động. Rừng tự nhiên ở Pù Hoạt bao gồm ba kiểu rừng chính: rừng thường xanh đất thấp, rừng thường xanh núi thấp, và rừng thường xanh núi trung bình. Rừng thường xanh đất thấp phân bố ở đai

độ cao dưới 800 m, có mức độ đa dạng các loài thực vật cao. Rừng thường xanh núi thấp phân bố trong khoảng từ 800 đến 1.500 m và có thành phần thực vật ưu thế bởi các loài thuộc họ Long não Lauraceae và họ Dẻ Fagaceae, như *Litsea* spp., *Cinnamomum* spp., *Castanopsis* spp. và *Quercus bambusaefolia*. Rừng thường xanh núi trung bình phân bố *konishii*, Bách xanh *Calocedrus macrolepis*, và một số loài cây lá kim quý hiếm có tầm quan trọng bảo tồn quốc ở độ cao trên 1500 m. Kiểu rừng này đặc trưng bởi một số loài hạt trần như: Sa-mu *Cunninghamia* tế như Pơ-mu *Fokienia hodginsii*, Thông nang *Podocarpus imbricatus*, mặc dầu các loài cây lá rộng thuộc các họ Dẻ Fagaceae, họ Long não Lauraceae cũng là những loài thường gặp. Dọc theo đường sông nổi các đỉnh cao có thêm kiểu phụ rừng lùn đặc trưng bởi sự có mặt của các loài Đỗ quyên *Rhododendron* spp., sự đa dạng của các loài phong lan, và có loài Trúc lùn *Arundinaria* sp. (Anon. 1997) mọc dưới tán.

Pù Hoạt là một trong số ít vùng được biết đến ở Việt Nam có loài hạt trần bị đe dọa trên toàn cầu là Sa-mu *Cunninghamia konishii* (Phan Kế Lộc và Nguyễn Tiến Hiệp 1999). Tuy nhiên do kết quả của khai thác gỗ chọn, rất ít cây thành thực có đường kính lớn còn sót lại. Cần có sự quan tâm đặc biệt đến việc bảo vệ kiểu rừng thường xanh núi thấp, đây là kiểu sinh cảnh của loài trên và một số loài hạt trần bị đe dọa toàn cầu khác như Pơ-mu *Fokienia hodginsii*. Sự có mặt của loài Sa-mu *C. konishii* được cho là loài có vai trò quan trọng trong cấu thành của kiểu rừng trên, và mất loài này có thể kéo theo mất các giá trị đa dạng sinh học đi kèm (Osborn *et al.* 2000).

Một số loài thú bị đe dọa toàn cầu đã được ghi nhận cho khu đề xuất Pù Hoạt trong các đợt khảo sát thực hiện bởi Viện Điều tra Quy hoạch Rừng và Frontier-Việt Nam - Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật (IEBR), bao gồm: Khỉ mốc *Macaca assamensis*, Bò tót *Bos gaurus* (Anon. 1997, Osborn *et al.* 2000). Thông tin phỏng vấn thu thập bởi Frontier - Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật chỉ ra rằng Voi *Elephas maximus* và Hổ *Panthera tigris* từng xuất hiện trong khu đề xuất vào giữa những năm 80 nhưng hiện đã tuyệt chủng trong vùng. Tương tự, Sao la *Pseudoryx nghetinhensis* cũng được thông báo đã từng xuất hiện ở vùng phía nam núi Pù Hoạt nhưng có thể đã bị tuyệt chủng (Osborn *et al.* 2000).

Trong đợt khảo sát do Viện Điều tra Quy hoạch Rừng thực hiện năm vào năm 1997, đã thu được xương sọ và da của một loài mang lỵ chưa được xác định. Số liệu phân tích DNA chỉ ra rằng mẫu tiêu bản trên có thể là của một taxon chưa được mô tả trước đây, mặc dầu vậy quyết định cuối cùng về mẫu tiêu bản trên vẫn chưa được làm rõ (theo Lê Trọng Trãi). Trong đợt khảo sát do Frontier - Vietnam/IEBR thực hiện năm 1999, một số mẫu tiêu bản các loài ếch nhái đã được thu thập tại Pù Hoạt và cho rằng đó là những mẫu tiêu bản chưa được mô tả của các loài thuộc chi *Philautus* (Osborn *et al.* 2000).

Tổng cộng đã có 142 loài chim đã được ghi nhận tại Pù Hoạt (FIPI 1997). Tuy nhiên, trong số các loài trên không có loài nào đang bị đe dọa toàn cầu (Anon. 1997). Tương tự, trong tổng số 98 loài chim ghi nhận được bởi Frontier - Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, không ghi nhận được loài nào bị đe dọa toàn cầu (Osborn *et al.* 2000). Kết quả trên bước đầu cho thấy khu Pù Hoạt có vai trò không cao đối với bảo tồn chim. Tuy nhiên các nỗ lực khảo sát đa dạng khu hệ chim đến nay mới chỉ tập trung ở những đai độ cao thấp. Khảo sát chi tiết hơn về khu hệ chim ở những vùng đai cao có thể tìm thấy các loài chim có ý nghĩa bảo tồn trong vùng chưa được ghi nhận trước đây.

Các vấn đề về bảo tồn

Huyện Quế Phong có các đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như: Thái, Thanh, Mường, H'Mông và Khơ Mú. Sản xuất kinh tế của các hộ gia đình trong vùng phụ thuộc chủ yếu vào canh tác lúa nước ở các thung lũng bằng, canh tác lúa nương và săn trên các sườn đồi. Nương rẫy được canh tác luân phiên theo kiểu du canh. Phát rừng lấy đất canh tác nông nghiệp đã làm cho diện tích mất rừng ở các lung thũng bằng ngày một tăng, trong khi các rừng trên các sườn đồi gần làng bản được thay thế bởi những mảng nương rẫy, diện tích rừng thứ sinh cũng ngày một mở rộng. Chỉ ở trên các đai cao mới tìm thấy những dải rừng khá liên tục (theo Osborn *et al.* 2000, M. Grindley).

Mặc dầu chính phủ đã có những cố gắng nhằm kiểm soát các hoạt động canh tác lúa rẫy, nhưng hiện tượng du canh vẫn đang làm cho diện tích rừng còn lại của khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên bị mất dần, và rừng nguyên sinh cũng như thứ sinh vẫn bị chặt để canh tác nương rẫy. Tăng trưởng dân số là nguyên

nhân tiềm ẩn thúc đẩy chặt phá rừng. Dân số tăng dẫn đến tăng nhu cầu mở rộng đất nông nghiệp tại các vùng đồi bao quanh. Hiện nay, tăng trưởng dân số chủ yếu là do tăng dân số tự nhiên. Tuy vậy trong tương lai việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trong vùng, như làm đường sẽ là đe dọa đến khu Pù Hoạt nếu khu này được chọn là trung tâm cho việc di dân kinh tế mới, và như vậy sẽ càng làm cho tỉ lệ mất rừng nhanh hơn (theo M. Grindley).

Mất rừng được Osborn *et al.* (2000) xác định là một trong những mối đe dọa lớn nhất đến đa dạng sinh học của khu đề xuất, vì sinh cảnh bị gián đoạn sẽ dẫn đến mất các loài. Đe dọa lớn thứ hai là săn bắn, đây đã là nguyên nhân dẫn đến suy giảm nhanh quần thể của các loài thú lớn và trung bình và sự tuyệt chủng của một số loài bị đe dọa toàn cầu trong vùng. Động vật săn bắt được sử dụng cho nhu cầu của địa phương hoặc cho mục đích buôn bán, bằng chứng cho thấy quần thể các loài thú lớn và trung bình đã bị suy giảm mạnh và hiện nay đối tượng săn bắt đã chuyển sang các loài thú nhỏ và chim (Osborn *et al.* 2000).

Các giá trị khác

Rừng khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, đặc biệt ở các đai cao có vai trò quan trọng bảo vệ nguồn nước cho cộng đồng địa phương và phòng hộ đầu nguồn cho các lưu vực sông Cả và sông Chu.

Khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt bảo vệ quần thể của hai loài hạt trần quý hiếm là Pơ-mu *Fokienia hodginsii* và Sa-mu *Cunninghamia konishii*. Gỗ của hai loài này đều có giá trị thương mại cao và đã được trồng thử nghiệm thành công ở vùng có độ cao 400 m, thấp hơn nhiều so với nơi sống tự nhiên của chúng. Rừng khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, vì vậy, là nguồn cung cấp hạt giống quan trọng của các loài trên cho trồng rừng nhằm đáp ứng các nhu cầu về gỗ của các loài trên hoặc tạo thêm nguồn thu nhập (theo lời T. Osborn).

Các dự án có liên quan

Trong khoảng giữa tháng 1-12 /1999, tổ chức Frontier - Việt Nam và Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật đã tiến hành khảo sát đa dạng sinh học khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt. Trong năm 2000, Frontier - Việt Nam đã bắt đầu dự án giáo dục môi

trường ở vùng đệm của Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, với sự tài trợ của Đại sứ quán Australia.

Năm 2001, tổ chức Phi chính phủ Hướng tới Phụ nữ Dân tộc có kế hoạch triển khai một dự án phát triển cộng đồng ở huyện Quế Phong với sự hỗ trợ của Hiệp hội các Tổ chức Phi chính phủ về Phát triển Nông thôn Canada. Hiện không có bất kỳ thông tin liên quan đến tiến trình của dự án.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Hiện tại Pù Hoạt không phù hợp để được nhận tài trợ VCF do không đáp ứng được các tiêu chí về tầm quan trọng quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	NA2 - Phòng hộ đầu nguồn sông Chu
A _{II}	
B _I	Đề xuất rừng đặc dụng
B _{II}	Bảo tồn thiên nhiên
B _{III}	Thuộc sự quản lý của UBND tỉnh
C _I	
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa thực hiện báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Anon. (1997) "Investment plan for Pu Hoat Nature Reserve". Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1997) "List of birds recorded at Pu Hoat Nature Reserve". Unpublished appendix to investment plan. In Vietnamese.

Binh Chau (1997) Another new discovery in Vietnam. Vietnam Economic News 47(7): 46-47.

Blazeby, K., Le Nguyen Ngat, Do Quang Thai and Nguyen Quang Truong (1999) An analysis of wildlife trade dynamics around the Pu Mat Nature Reserve. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Chu Van Dung (1998) "Biodiversity of the nature reserves of Nghe An province". Lam Nghiep "Vietnam Forest Review" November/December 1998: 54-55. In Vietnamese.

Le Xuan Hieu (1999) "Biodiversity values of the Pu Hoat forest, Que Phong district, Nghe An province". Unpublished report to Frontier-Vietnam Forest Research Programme. In Vietnamese.

Le Xuan Hieu (1999) Biodiversity values of the Pu Hoat forest, Que Phong district, Nghe An province. Unpublished report to Frontier-Vietnam Forest Research Programme.

Osborn, T., Fanning, E. and Grindley, M. (2000) Pu Hoat proposed nature reserve: biodiversity survey and conservation evaluation. London: Society for Environmental Education.

Osborn, T., Fanning, E. and Grindley, M. (2000) "Pu Hoat proposed nature reserve: biodiversity survey and conservation evaluation". London: Society for Environmental Exploration. In Vietnamese.

Phan Ke Loc and Nguyen Tien Hiep (1999) Is there *Cunninghamia konishii* Hayata growing in wild in Vietnam and what is the scientific name of the Sa moc dau. Pp 61-64 in: Nguyen Thai Tu ed. "Selected reports on the biodiversity of the northern Truong Son range" Hanoi: Hanoi National University Press. In Vietnamese.

Uemura, Y. and Monastyrskii, A. L. (2000) Description of two species of the genus *Ypthima* Hubner (Lepidoptera: Satyridae) from north and central Vietnam. Trans. Lepid. Soc. Japan 51(2): 150-156.

